TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS-ST
Ngày: 08-11-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Dũng và bà Bùi Thị Lài.
- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Huyến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 04 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1976; có mặt.
Nơi ĐKNKTT: T9, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông.
Chỗ ở hiện nay: T10, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông.
2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963; có mặt.
Địa chỉ: T10, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông.
3. Những người tham gia tố tụng khác:
- *Người làm chứng:*
1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969; có mặt.
Địa chỉ: T10, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông.
2. Ông Trần Văn B; vắng mặt.
Địa chỉ: T10, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Đ trình bày:

Theo giấy mượn tiền ngày 14/6/2015 bà Phan Thị Đ cho bà Phạm Thị T vay số tiền gốc là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng), trong giấy vay không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế thỏa thuận ngoài là 1,5%/01 tháng, thời hạn vay là 01 tháng, hết thời hạn

01 tháng bà T không trả, từ khi đến hạn đến nay bà Đ đòi nợ nhiều lần nhưng không trả nên bà Đ đã khởi kiện ra Tòa án giải quyết. Qúa trình giải quyết vụ án bà T cho rằng số nợ này đã được bà Nguyễn Thị T1 trả nhiều lần với số tiền là 202.500.000đ là bà Đ không đồng ý vì khoản tiền này bà T1 trả số nợ mà bà T1 vay bà Đ gồm 4,28kg cà phê nhân xô và số tiền gốc 30.000.000đ không liên quan gì đến khoản nợ bà T vay bà Đ. Khi bà T1trả nợ bà Đ có viết giấy nhận tiền cho bà T1 nhưng bà T1 không cung cấp mà cứ nói là trả thay cho bà T là không đúng. Đồng thời, giữa bà Đ và bà T, bà T1 không có giấy tờ hay sự đồng ý chuyển nghĩa vụ trả nợ từ bà T sang bà T1 cả. Nay bà T và bà T1 chỉ khai vậy chứ không có căn cứ gì. Trong giấy vay có chữ ký ông B nhưng bà T ký thay không liên quan đến ông B nên bà Đ đã rút yêu cầu đối với ông B. Khoản bà Đ cho bà T vay không liên quan đến chồng bà Đ nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà PhanThị Đ số tiền gốc là 200.000.000đ và lãi suất 1,5%/ tháng như đã thỏa thuận cho đến ngày xét xử.

Trong biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Theo giấy mượn tiền ngày 14/6/2015 thì bà T có đi vay dùm cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền gốc là 200.000.000đ của bà Đ, nhưng khoản nợ này là T vay dùm cho bà T1, hiện nay bà T1 đã trả cho bà Đ số tiền 202.500.000đ. Tuy nhiên, khi trả nợ bà T1 không ghi giấy là trả khoản nợ nào, giữa các bên không có văn bản thỏa thuận chuyển nghĩa vụ trả nợ từ bà T sang bà T1 mà có sự đồng ý của bà Đ. Trong khi đó bà T1 lại đang nợ bà Đ nên bà Đ đã trừ nợ khoản bà T1vay và khởi kiện bà T, chỗ là chị em nên bà T mới tin tưởng nhau không ghi giấy tờ gì khi nghe bà T1 nói đã trả thay cho bà T, nay bà Đ khởi kiện thì bà T đồng ý trả nợ nhưng khi nào bà T1 trả cho bà T thì bà T mới trả cho bà Đ.

Về lãi suất thì do vay dùm nên bà T không thỏa thuận lãi suất, trong giấy vay không có lãi nên việc bà Đ có ý kiến là thỏa thuận lãi suất 1,5%/ tháng là không đúng. Nay bà Đ khởi kiện ra yêu cầu Tòa án giải quyết thì về phần lãi suất yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2018 ông Trần Văn B trình bày: Căn cứ giấy mượn tiền ngày 14/6/2015 giữa bà T và bà Đ là ông B không biết vì gia đình ông B không vay số tiền này về sử dụng trong gia đình. Khi bà Phan Thị Đ sang đòi nợ thì ông mới được biết là bà T vay bà Đ và về cho bà T1vay, chữ ký Trần Văn B trong giấy vay không phải là chữ ký của ông B. Sự việc này cũng đã được bà T và bà Đ công nhận. Nay bà Đ đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông B thì ông đồng ý và không có ý kiến gì.

Trong biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Vào năm 2015 bà Nguyễn Thị T1 có nhờ bà Phạm Thị T dẫn đến nhà bà Phan Thị Đ vay tiền, nhưng do bà T1 đã vay bà Đ nên mới nhờ bà T đứng ra vay, người vay là bà T và bà T1 chỉ ký người làm chứng. Sau khi lấy tiền từ bà Đ về thì giữa bà T và bà T1có viết giấy vay tiền với số tiền gốc là 200.000.000đ, lãi suất hai bên không thỏa thuận. Đến hạn không có trả, bà Đ thì đòi bà T. Vì vậy, để không ảnh hưởng đến bà T nên bà T1 đã đi vay và trả cho bà Đ số tiền là 202.500.000đ. Nhưng do chỗ chị em thân quen nên không viết giấy tờ gì về trả tiền cũng như chuyển nghĩa vụ trả nợ từ bà T sang cho T1 mà

được bà Đ đồng ý. Khi trả xong bà T1cũng không lấy giấy tờ gốc lại mới có việc khởi kiện ngày hôm nay. Ngoài khoản này ra thì bà T1 còn nợ bà Đ hơn 04 tấn cà phê và 30.000.000đ. Nay bà Đ cho rằng bà T1 trả khoản nợ mà bà T1 vay của bà Đ là không đúng mà số tiền bà T1 trả cho bà Đ là trả khỏan nợ bà T vay dùm.

Quá trình thu thập chứng cứ, bà Đ cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay mượn tiền 14/6/2015 có chữ ký của bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị T1 ký người làm chứng.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình, yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 473, khoản 1, 4 Điều 474, khoản 1 Điều 478 của Bộ luật dân sự 2005; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị Đ.

Buộc bà Phạm Thị T trả cho bà Phan Thị Đ số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Phan Thị Đ khởi kiện bà Phạm Thị T trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Bà Phạm Thị T hiện đang cư trú tại T10, xã B, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Phạm Thị T hẹn đến ngày 15/7/2015 sẽ trả nợ cho bà Đ. Kể từ thời điểm bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm bà Đ khởi kiện ngày 02/4/2018 vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS; Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Tại đơn khởi kiện bà Phan Thị Đ khởi kiện ông Trần Văn B với tư cách bị đơn trong vụ án. Tuy nhiên, trước khi công khai chứng cứ và hòa giải bà Đ đã có lời khai

trình bày rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn B vì cho rằng chữ ký người vay tiền ghi Trần Văn B không phải chữ ký của ông B mà do bà Phạm Thị T ký thay. Việc vay ông B không biết. Vì vậy, bà Đ đã rút đối với yêu cầu của ông B và thay đổi yêu cầu buộc bà Phạm Thị T trả toàn bộ số tiền gốc 200.000.000đ và lãi suất 1,5%/ tháng đến ngày xét xử . Vì vậy, ông B không còn liên quan trong vụ án là phù hợp với pháp luật.

[4] Đối với giao dịch này các bên đang thực hiện nhưng nội dung khác với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ thời điểm giao dịch thì áp dụng BLDS năm 2005 để giải quyết.

[5] Xét nội dung tranh chấp: Ngày 14/6/2015 bà Phan Thị Đ cho bà Phạm Thị T vay số tiền gốc là 200.000.000đ, hạn trả sau 01 tháng. Tuy nhiên, đến hạn không trả nên bà Đ đã khởi kiện. Khi vay hai bên có lập giấy tờ vay tiền và có chữ ký của bà T và người làm chứng là bà T1. Bà T thừa nhận là có vay bà Đ nhưng chỉ là vay dùm vì bà T1 vay thì bà Đ không cho vay. Do số tiền này vay về bà T không sử dụng vào mục đích chung mà vay dùm cho bà T1. Tuy nhiên giữa các đương sự không cung cấp được giấy chuyển nghĩa vụ trả nợ giữa các bên. Nên căn cứ chứng cứ thì bà T ký nhận là người vay tiền thì bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Đ theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà T cho bà T1 vay thì bà T có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Qúa trình giải quyết vụ án bà Đ đã trình bày trong các văn bản tố tụng là rút yêu cầu không khởi kiện ông B với tư cách là bị đơn, thay đổi yêu cầu buộc bà Phạm Thị T trả toàn bộ số nợ theo giấy vay. Qúa trình vay bà T chưa trả khoản nào cho bà Đ nên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu lãi suất: Bà Đương yêu cầu tính lãi suất 1,5%/ tháng. Tuy nhiên đối chiếu giấy vay tiền không thể hiện lãi suất. Bà T khai là vay không lãi. Bên nguyên đơn cũng không cung cấp được phụ lục hợp đồng là bà T đồng ý trả lãi. Căn cứ vào khoản 4 Điều 476 BLDS năm 2005 quy đinh:

" Trường hợp vay không lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hang nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả, tại thời điểm trả nợ".

Tại Quyết định số 2868/QQĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm.

Để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự HĐXX xét thấy tính lãi suất chậm trả nợ như sau:

Từ ngày 15/7/2015 đến ngày xét xử là 08/11/2018 cụ thể: [200.000.000đ x [0,75%/ tháng x 39 tháng + 24 ngày] = 59.700.000đ.

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy cần: Buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Đ số tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi là 59.700.000đ.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đ được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 259.700.000đ x 5% = 12.985.000 đồng.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 473, khoản 1, 4 Điều 474, khoản 1 Điều 478 của Bộ luật dân sự 2005; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Đ.

Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho bà Phan Thị Đ tổng số tiền gốc và lãi là 259.700.000đ (trong đó tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 59.700.000đ (năm mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng), thời hạn tính lãi suất chậm trả từ ngày 15/7/2015 đến ngày 08/11/2018.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.Về án phí: Buộc bà Phạm Thị T phải chịu nộp 12.985.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phan Thị Đ 7.512.500đ số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001996 ngày 23/4/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Đ;*
- *VKSND tỉnh Đ;*
- *VKSND huyện Đắk Song;*
- *Chi cục THA huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hà